

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST

Ngày 03-02-2026.

V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh và ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Kiều Thị L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố Th 1, phường Ng, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lại Trường D, sinh năm 2002. Địa chỉ: Tổ 1, phường Ph, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22/8/2025 và lời khai tại Tòa án, chị Kiều Thị L là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị L và anh Lại Trường D chung sống với nhau từ đầu năm 2020 tại thôn 1, xã Ph, thành phố Ph1, tỉnh Hà Nam (nay là tổ 1, phường Ph, tỉnh Ninh Bình) nhưng do bận công việc anh chị chưa đi đăng ký kết hôn. Đến ngày 17/12/2024, chị và anh D mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường L1, thành phố Ph1, tỉnh Hà Nam và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Trong quá trình chung sống, đến đầu năm 2025, chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm đến

vợ con. Bố mẹ hai bên có khuyên nhủ, hoà giải cho anh chị nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên đến đầu tháng 7 năm 2025, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại tổ dân phố Th 1, phường Ng, tỉnh Ninh Bình để ở, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Lại Trường D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lại Quốc C, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2020. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Lại Trường D là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Kiều Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lại Trường D và xin trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lại Quốc C, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2020 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kiều Thị L. 2. Con chung: Giao cháu Lại Quốc C, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị L. 3. Án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Kiều Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lại Trường D là bị đơn; địa chỉ: Tổ 1, phường Ph, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình. Anh Lại Trường D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1] Về hôn nhân: Chị Kiều Thị L và anh Lại Trường D chung sống với nhau từ đầu năm 2020 tại thôn 1, xã Ph, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là tổ 1, phường Ph, tỉnh Ninh Bình) nhưng do bận công việc anh chị chưa đi đăng ký kết hôn. Đến ngày 17/12/2024, chị và anh D mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Trong quá trình chung sống, đến đầu năm 2025, chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm đến vợ con. Bố mẹ hai bên có khuyên nhủ, hoà giải cho anh chị nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên đến đầu tháng 7 năm 2025, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại tổ dân phố Th 1, phường Ng, tỉnh Ninh Bình để ở, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của chị L, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn anh D là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là cháu Lại Quốc C, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2020, hiện cháu được chị L và anh D nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác, theo các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh chị L có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định, anh D là lao động tự do thường xuyên không có mặt ở nhà. Do đó, giao cháu C cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị L là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Kiều Thị L và anh Lại Trường D.

2. Con chung: Giao cháu cháu Lại Quốc C, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2020 cho chị Kiều Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị L.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Kiều Thị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị L xin chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm của anh D). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001925 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Kiều Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lại Trường D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5-Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

